

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HS-ST

Ngày: 29 - 11 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Đồng và bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HS ngày 03/11/2022, đối với các bị cáo:

1. Đoàn Xuân T, sinh ngày 17/6/1995 tại: xã Quảng H, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn Vĩnh P, xã Quảng H, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn S và bà Trương Thị Bích N; vợ là Đinh Thị Như D và có 01 con, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Đình H, sinh ngày 20/11/1996 tại: xã Quảng H, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn Nhân H, xã Quảng H, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình T và bà Mai Thị Khánh V; vợ là Trần Mỹ L và 02 con (Con lớn nhất sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2022); Tiền án: có 01 tiền án: Ngày 29/4/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự phúc thẩm số 25/2021/HS-PT; có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/5/1999 tại: xã Quảng H, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn Hợp H, xã Quảng H, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân L và bà Hoàng Thị H (Đã chết); vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 26/02/1998 tại: xã Quảng H, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn Hợp H, xã Quảng H, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến D và bà Đinh Thị B; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Đặng Văn T, sinh ngày 10/11/1989 tại: xã Quảng H, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn Vĩnh P, xã Quảng H, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn S và bà Hoàng Thị L; vợ là Trần Thị H (Đã ly hôn) và có 02 con (Con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Cao Thị T, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn Thanh T, xã Tiến H, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 10 tháng 5 năm 2022, khi đang chơi ở nhà của Nguyễn Văn T tại thôn Hợp H, xã Quảng H, thị xã Ba Đồn thì T nảy sinh ý định sử dụng ma túy. Lúc này, T rủ cả nhóm cũng đang chơi ở nhà của mình bao gồm Phạm Đình H, Đặng Văn T và Nguyễn Ngọc S góp tiền đi mua ma túy về sử dụng thì cả nhóm đồng ý. Cả nhóm chia nhau T góp 300.000 đồng, S góp 160.000 đồng, H góp 140.000 đồng, còn T do không có tiền nên không góp. Cả nhóm thống nhất đưa toàn bộ số tiền góp được là 600.000 đồng cho H, T không góp tiền nên sẽ dùng xe mô tô của T để chở H đi mua ma túy. Sau đó, T và S đi đến đợi T và H tại Trường tiểu học số 2 Quảng H thuộc thôn Hợp H, xã Quảng H, thị xã Ba Đồn; còn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59S1-774.xx chở H đi mua ma túy. Khi đi đến trước cổng nhà ở của Đoàn Xuân T tại thôn Vĩnh P, xã Quảng H, thị xã Ba Đồn, T gọi điện thoại cho T và hỏi mua 600.000 đồng ma túy tổng hợp dạng hồng phiến. T đi từ trong nhà ra cổng và nhận số tiền 600.000 đồng từ H rồi đi vào nhà và đưa lại cho H 01 gói nilon màu trong suốt, bên trong chứa 07 viên ma túy tổng hợp dạng Hồng phiến. Sau đó, H cất giấu số ma túy này rồi lên xe do T điều khiển về địa điểm hẹn trước để gặp T và S. Tại mái nhà trên tầng hai của Trường tiểu học số 2 Quảng H, cả nhóm lấy số ma túy H vừa mua được ra để cùng sử dụng. Sau khi sử dụng hết 04 viên ma túy thì H rủ cả nhóm đi xuống khu vực sân trường để sử dụng tiếp, rồi H cầm 03 viên ma túy còn lại đi xuống, T và T đi theo sau, còn S lúc này do đau bụng nên đi vệ sinh. Khi H, T, T vừa đi

xuống sân trường thì bị lực lượng Công an thị xã Ba Đồn phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Riêng, Nguyễn Ngọc S không có mặt trong quá trình bắt quả tang nên ngày 12 tháng 5 năm 2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Ngọc S để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Tiếp đến, khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, tại trước cổng nhà ở của mình, Đoàn Xuân T giao bán cho một nam thanh niên không rõ tên, địa chỉ 06 viên ma túy tổng hợp dạng hồng phien bỏ vào trong 01 gói nilon màu trong suốt với giá tiền là 500.000 đồng. Khi Th vừa nhận số tiền 500.000 đồng và chuẩn bị giao ma túy thì nam thanh niên phát hiện có lực lượng Công an nên đã bỏ chạy, còn T bị Công an thị xã Ba Đồn bắt quả tang. Công an thị xã Ba Đồn tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đoàn Xuân T, phát hiện và thu giữ thêm 78 viên nén hình tròn màu hồng, dạng thuốc tân dược tại chỗ ở của T. Nguồn gốc toàn bộ số ma túy trên, T khai nhận mua được từ một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ cụ thể tại khu vực thôn Minh T, xã Quảng M, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình vào ngày 08 tháng 5 năm 2022 với giá tiền 2.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ được tại hiện trường khi bắt quả tang gồm: 03 viên nén màu hồng, hình tròn được cất giữ trong 01 gói nilon màu trong suốt (Thu giữ từ trong lòng bàn tay trái của bị cáo H); 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO biển kiểm soát 59S1 - 774.xx, xe cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 có gắn thẻ sim số 0378.996.1xx, đã qua sử dụng; 06 viên nén màu hồng, hình tròn được cất giữ trong 01 gói nilon màu trong suốt; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S105G có gắn thẻ sim số 0985.198.1xx, đã qua sử dụng và số tiền 500.000 đồng do bị cáo T thu được từ việc bán 06 viên nén màu hồng, hình tròn cho nam thanh niên không rõ danh tính tại thời điểm bị bắt quả tang.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đã tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của bị cáo T và thu giữ thêm các vật chứng khác, bao gồm: 08 viên nén màu hồng, hình tròn được thu giữ trên các viên gạch men phía trong bên trái cửa nhà tắm của bị cáo T; 70 viên nén màu hồng, hình tròn được thu giữ trên bàn thờ ở phía ngoài sân nhà ở của bị cáo T và số tiền 600.000 đồng do bị cáo T thu được từ việc bán 07 viên nén màu hồng, hình tròn cho bị cáo H vào ngày 10 tháng 5 năm 2022.

Quá trình điều tra đã xác minh được xe mô tô biển kiểm soát 59S1 - 774.xx thuộc sở hữu của chị Cao Thị T. Việc bị cáo T lấy xe đi để thực hiện hành vi phạm tội chị Cao Thị T không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã xử lý trả lại xe mô tô nói trên cho chị Cao Thị T. Đối với biển kiểm soát 59S1 - 774.xx, chị Cao Thị T khai nhận đã nhặt được và gắn vào xe mô tô của mình để sử dụng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã bàn giao cho Công an thị xã Ba Đồn để xác minh, xử lý. Đối với hai chiếc điện thoại di động thu giữ được, quá trình điều tra đã xác minh 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 có gắn thẻ sim số 0378.996.1xx thuộc sở hữu của bị cáo T và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S105G

có gắn thẻ sim số 0985.198.1xx thuộc sở hữu của bị cáo T, hai chiếc điện thoại này đều không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã trả lại cho các chủ sở hữu là bị cáo T và bị cáo T.

Tại Kết luận giám định số 581/GĐ - PC 09 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Mẫu ký hiệu A (03 viên nén hình tròn, dạng thuốc tân dược, màu hồng chứa trong 01 gói nilon trong suốt) gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,31g (Không phẩy ba mươi một gam). Xác định Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 323, Danh mục II, Nghị định số 73/2018/NĐ - CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc “Quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất”.

Tại Kết luận giám định số 584/GĐ - PC 09 ngày 18/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Mẫu ký hiệu A1 (06 viên nén hình tròn, dạng thuốc tân dược, màu hồng chứa trong 01 gói nilon trong suốt) gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,617g. Mẫu ký hiệu A2 (08 viên nén hình tròn, dạng thuốc tân dược, màu hồng chứa trong 01 gói nilon trong suốt) gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,813g. Mẫu ký hiệu A3 (70 viên nén hình tròn, dạng thuốc tân dược, màu hồng chứa trong 01 gói nilon trong suốt) gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 7,042g. Xác định Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 323, Danh mục II, Nghị định số 73/2018/NĐ - CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc “Quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất”.

Tại bản Cáo trạng số 49/CT - VKSTXBĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố bị cáo Đoàn Xuân T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và truy tố các bị cáo Phạm Đình H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn T, Nguyễn Ngọc S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đoàn Xuân T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và truy tố các bị cáo Phạm Đình H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn T, Nguyễn Ngọc S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Xuân T từ 09(Chín) năm đến 09(Chín) năm 06(Sáu) tháng tù; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Đình H từ 18(Mười tám) tháng đến 21(Hai mươi một) tháng tù; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12(Mười hai) tháng đến 15(mười lăm) tháng tù; xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 12(Mười hai) tháng đến 15(mười lăm) tháng tù; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S từ 12(Mười hai) tháng đến 15(mười lăm) tháng tù.

Về vật chứng của vụ án: Số ma túy thu giữ của các bị cáo, sau khi đã trích gửi đi giám định thì tổng số còn lại là 8,102g (Trong đó: Mẫu ký hiệu A sau giám định còn 0,216g; Mẫu ký hiệu A1 sau giám định còn 0,497g; Mẫu ký hiệu A2 sau giám định còn 0,542g; Mẫu ký hiệu A3 sau giám định còn 6,847g) chất ma túy Methamphetamine. Đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: tịch thu tiêu hủy 8,102g chất ma túy Methamphetamine sau giám định.

Đối với tổng số tiền thu giữ được là 1.100.000 đồng, đây là số tiền do bị cáo T phạm tội mà có nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền trên.

Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố đối với các bị cáo nên không tranh luận gì.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Đoàn Xuân T, Phạm Đình H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn T và Nguyễn Ngọc S đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố và lời luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo Thủy do muốn nhanh chóng kiếm lời nên ngày 10/5/2022 đã bán ma túy Methamphetamine cho bị cáo Hoàng và một thanh niên không rõ lai lịch. Tổng khối lượng ma túy mà bị cáo T đã bán là 8,782g. Các bị cáo H, T, T và S do có nhu cầu sử dụng ma túy nên mặc dù biết các chất ma túy đều bị pháp luật nghiêm cấm tàng trữ nhưng các bị cáo vẫn tìm mua và tàng trữ 03 viên nén màu hồng, được xác định là chất ma túy Methamphetamine có khối lượng là 0,31g với mục đích để sử dụng. Methamphetamine là chất nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 323, Danh mục II, Nghị định số 73/2018/NĐ - CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc “Quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất”. Xét thấy, diễn biến hành vi phạm tội các bị cáo khai nhận phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án và đã được

thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Đoàn Xuân T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và kết luận các bị cáo Phạm Đình H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn T, Nguyễn Ngọc S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước trong việc quản lý, kiểm soát các chất kích thích, gây nghiện, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, gây hoang mang, lo sợ cho người dân trên địa bàn. Các bị cáo biết việc tàng trữ ma túy là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự nhằm đảm bảo răn đe, giáo dục và mang tính phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án này, các bị cáo H, T, T và S thống nhất với nhau về việc góp tiền mua ma túy về để sử dụng chung. Th góp 300.000 đồng, S 160.000 đồng, H tự bỏ ra 140.000 đồng. Bị cáo T là người có vai trò chính, là người trực tiếp rủ rê bị cáo H, T, S góp tiền mua ma túy để sử dụng, đồng thời bị cáo góp tiền để mua ma túy nhiều hơn. Do đó bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo T, S. Đối với các bị cáo H, S khi nghe T rủ rê, đã không can ngăn mà còn đồng ý tích cực góp tiền để H, T đi mua ma túy; bị cáo H đã có 01 tiền án và 01 tiền sự nhưng không chịu rèn luyện tu dưỡng bản thân, vì vậy H phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác là phù hợp. Đối với bị cáo T, mặc dù không có tiền nhưng khi nghe T rủ rê đã đồng ý tích cực và sử dụng xe máy do mình đang quản lý để đi mua ma túy về để cùng sử dụng chung nên cũng cần có một mức hình phạt phù hợp để thể hiện tính nghiêm khắc của pháp luật.

Đối với bị cáo T, là người không chỉ bán ma túy cho các bị cáo H, T, T và S về sử dụng mà còn bán ma túy cho đối tượng khác, cho thấy bị cáo vì háms lợi, muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân nhưng lười lao động nên đã coi thường pháp luật và thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

[5] Liên quan trong vụ án có một đối tượng đã mua 0,617g chất ma túy của bị cáo T với giá 500.000 đồng nhưng đã bỏ chạy và có một đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo T vào ngày 08/5/2022 tại khu vực thôn Minh T, xã Quảng M, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, tuy nhiên quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn không xác định được lai lịch, địa chỉ của hai đối tượng này nên chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn sẽ tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

[6] Về quá trình nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Trong số các bị cáo phạm tội, bị cáo H có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” (Ngày 29/4/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 10 tháng tù, đã chấp hành án xong hình phạt, nhưng chưa được

xóa án tích. Vì vậy, bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo T, T, T, S, H trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo S đã có thành tích trong việc cứu người vào đợt lũ lịch sử năm 2020 được Ủy ban nhân dân xã Quảng H xác nhận nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt áp dụng:

Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe và giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người tốt, có ích xã hội.

[8] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

Xét thấy, việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Ba Đồn thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu là chị Cao Thị T 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO biển kiểm soát 59S1 - 774.xx; thu giữ và trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 có gắn thẻ sim số 0378.996.1xx cho bị cáo T; thu giữ và trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S105G có gắn thẻ sim số 0985.198.1xx cho bị cáo T là đúng quy định pháp luật. Đối với biển kiểm soát 59S1 - 774.xx, chị Cao Thị T khai nhận đã nhặt được và gắn vào xe mô tô của mình để sử dụng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã bàn giao cho Công an thị xã Ba Đồn để xác minh, xử lý là phù hợp.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy 8,102g chất ma túy Methamphetamine sau giám định (Trong đó: Mẫu ký hiệu A sau giám định còn 0,216g; Mẫu ký hiệu A1 sau giám định còn 0,497g; Mẫu ký hiệu A2 sau giám định còn 0,542g; Mẫu ký hiệu A3 sau giám định còn 6,847g).

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.100.000 đồng do bị cáo T phạm tội mà có.

[10] Về án phí:

Các bị cáo Đoàn Xuân T, Phạm Đình H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn T và Nguyễn Ngọc S phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Xuân T;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Đình H;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Đặng Văn T;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự Nguyễn Ngọc S;

- Căn cứ các điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a,b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Đình H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn T, Nguyễn Ngọc S phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Đoàn Xuân T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đoàn Xuân T 09(*Chín*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 11/5/2022.

Tuyên bố tiếp tục tạm giam bị cáo Đoàn Xuân T 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Đình H 18(*Mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 11/5/2022.

Tuyên bố tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Đình H 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 15(*Mười lăm*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 11/5/2022.

Tuyên bố tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 12(*Mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 11/5/2022.

Tuyên bố tiếp tục tạm giam bị cáo Đặng Văn T 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 12(*Mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 12/5/2022.

Tuyên bố tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Ngọc S 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3. Về vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, số: 581/KL - KTHS, bên ngoài ghi “Mẫu ký hiệu A”, bên trong chứa 0,216g (*Không phải hai trăm mười sáu gam*) ma túy Methamphetamine sau giám định được gói bằng túi nilon màu trắng, đã được niêm phong bằng chữ ký của những người tham gia niêm phong và dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình (Vật chứng có

đặc điểm mô tả như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn ngày 06/10/2022).

+ Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, số: 584/KL - KTHS, bên ngoài ghi “Mẫu ký hiệu A1, A2 và A3”, bên trong chứa 7,886g (*Bảy phẩy tám trăm tám mươi sáu gam*) ma túy Methamphetamine sau giám định được gói bằng túi nilon màu trắng, đã được niêm phong bằng chữ ký của những người tham gia niêm phong và dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình (Vật chứng có đặc điểm mô tả như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn ngày 06/10/2022)

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.100.000 đồng (*Một triệu một trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí:

Các bị cáo Đoàn Xuân T, Phạm Đình H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn T và Nguyễn Ngọc S phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật (đối với người vắng mặt)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Công an thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Văn Dương